

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 30 tháng 06 năm 2025



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 29

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt
Bà Đặng Kiện Phương

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Kiện Phương
Tổng Giám Đốc.

Ngày 30 tháng 07 năm 2025

CONG TY CO PHAN THE GIOI SO

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7,785,383,774,709	7,773,959,379,312
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,149,129,413,018	1,406,664,056,957
1. Tiền	111	4	289,517,342,446	172,694,601,477
2. Các khoản tương đương tiền	112		859,612,070,572	1,233,969,455,480
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2,255,000,000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2,255,000,000	-
III. Các khoản phải thu	130		2,845,755,467,596	2,638,490,310,229
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.1	2,630,622,802,952	2,383,219,224,247
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.2	75,222,317,569	118,263,519,581
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		77,419,166,667	53,613,663,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	65,629,781,616	129,179,855,090
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(3,138,601,208)	(45,785,951,689)
IV. Hàng tồn kho	140	7	3,515,120,611,915	3,500,841,551,213
1. Hàng tồn kho	141		3,696,660,647,989	3,628,483,449,396
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(181,540,036,074)	(127,641,898,183)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		273,123,282,180	227,963,460,913
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	14,229,723,517	18,918,911,303
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		257,186,839,932	206,834,915,351
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1,706,718,731	2,209,634,259

CONG TY CO PHAN THE GIOI SO

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		559,584,637,673	726,425,153,164
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		32,598,695,277	60,922,048,218
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	32,598,695,277	60,990,510,218
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(68,462,000)
II. Tài sản cố định	220		136,363,377,668	172,006,720,681
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	61,315,105,199	67,048,743,817
<i>Nguyên giá</i>	222		118,326,932,447	118,765,965,977
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223		(57,011,827,248)	(51,717,222,160)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	75,048,272,469	104,957,976,864
<i>Nguyên giá</i>	228		90,660,109,270	123,710,983,526
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229		(15,611,836,801)	(18,753,006,662)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		134,845,091	2,098,953,341
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		134,845,091	2,098,953,341
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		35,616,486,823	13,765,594,509
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	12,802,725,740	11,510,594,509
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11	22,813,761,083	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	2,255,000,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		354,871,232,814	477,631,836,415
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	26,338,840,232	30,505,976,293
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		85,513,689,873	95,685,664,363
3. Tài sản dài hạn khác	268		9,248,006,055	9,248,006,055
4. Lợi thế thương mại	269	12	233,770,696,654	342,192,189,704
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8,344,968,412,382	8,500,384,532,476

CONG TY CO PHAN THE GIOI SO

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		5,222,501,993,557	5,488,406,928,068
I. Nợ ngắn hạn	310		5,219,968,364,130	5,482,959,641,531
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13.1	1,902,488,849,041	2,302,925,773,135
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13.2	137,881,180,955	159,470,620,227
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	34,004,107,164	52,348,381,540
4. Phải trả người lao động	314		25,849,641,557	36,697,621,111
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	232,606,727,265	325,302,628,259
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	22,243,799,331	119,635,498,500
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	2,864,894,058,817	2,486,579,118,759
II. Nợ dài hạn	330		2,533,629,427	5,447,286,537
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	2,533,629,427	2,533,629,427
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	2,913,657,110
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3,122,466,418,825	3,011,977,604,408
I. Vốn chủ sở hữu	410		3,122,466,418,825	3,011,977,604,408
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18.1	2,193,201,690,000	2,193,201,690,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2,193,201,690,000	2,193,201,690,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		61,233,761,416	61,233,761,416
3. Cổ phiếu quỹ	415		(6,272,937,166)	(6,272,937,166)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		400,000,000	400,000,000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18.1	837,764,494,310	730,349,063,488
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		616,090,589,658	286,472,045,211
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		221,673,904,652	443,877,018,277
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		36,139,410,265	33,066,026,670
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		8,344,968,412,382	8,500,384,532,476

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2025



Trần Quốc Tâm
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng




Đặng Kiên Phương
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19.1	5,871,961,675,342	5,040,775,498,076	11,446,811,281,915	10,042,762,150,675	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19.1	(140,518,656,284)	(32,758,641,439)	(196,051,561,494)	(49,749,451,749)	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19.1	5,731,443,019,058	5,008,016,856,637	11,250,759,720,421	9,993,012,698,926	
4. Giá vốn hàng bán	11	20	(5,244,114,859,351)	(4,550,316,131,045)	(10,282,706,087,491)	(9,147,183,418,575)	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		487,328,159,707	457,700,725,592	968,053,632,930	845,829,280,351	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19.2	64,666,081,754	38,027,565,211	115,991,088,189	62,031,396,319	
7. Chi phí tài chính	22	21	20,146,666,497	(48,216,372,076)	(84,175,664,535)	(70,098,582,387)	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		(21,464,293,077)	(20,704,573,753)	(48,888,595,539)	(38,649,355,951)	
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		1,206,473,912	3,226,359,210	1,292,131,231	3,017,278,897	
9. Chi phí bán hàng	25	22	(376,646,733,236)	(286,032,281,116)	(613,444,656,943)	(500,407,591,777)	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	(55,852,181,512)	(58,159,255,670)	(111,193,873,588)	(112,745,852,348)	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		140,848,467,122	106,546,741,151	276,512,657,284	227,625,929,055	
12. Thu nhập khác	31	23	9,497,897,082	10,994,882,057	12,755,454,805	11,256,559,622	
13. Chi phí khác	32	23	(3,026,405,694)	(4,613,454,863)	(4,842,111,420)	(6,939,372,614)	
14. Lợi nhuận khác	40	23	6,471,491,388	6,381,427,194	7,913,343,385	4,317,187,008	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		147,319,958,510	112,928,168,345	284,426,000,669	231,943,116,063	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	(39,424,245,398)	(16,267,245,010)	(37,140,116,632)	(11,482,879,301)	
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		10,711,626,762	(8,820,808,339)	(22,288,665,139)	(39,439,382,540)	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		118,607,339,874	87,840,114,996	224,997,218,898	181,020,854,222	
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		115,750,633,398	89,302,459,018	221,673,904,652	181,771,424,589	
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2,856,706,476	(1,462,344,022)	3,323,314,246	(750,570,367)	
21. Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu	70		528	411	1,011	837	



Trần Quế Tâm
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2025


Đặng Kiên Phương
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ II		LŨY KẾ		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh							
1. Lợi nhuận trước thuế	01		147,319,958,510	112,928,168,345	284,426,000,669	231,943,116,063	
2. Điều chỉnh cho các khoản:							
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	02		11,666,484,643	13,080,603,441	20,320,091,112	25,802,159,600	
- Các khoản dự phòng (hoàn nhập)	03		54,426,704,863	16,558,720,624	11,182,325,410	16,400,680,072	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(39,943,036,244)	(9,463,905,195)	(58,741,647,685)	(16,246,909,317)	
- Chi phí lãi vay	06		21,464,293,077	20,704,574,753	48,888,595,539	38,649,356,951	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		194,934,404,849	153,808,161,968	306,075,365,045	296,548,403,369	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(299,265,001,487)	(482,809,092,642)	(131,724,497,586)	(573,068,013,332)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(379,680,218,819)	25,892,685,589	(66,482,898,761)	83,729,267,341	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		326,367,420,638	69,837,165,135	(586,028,202,016)	(678,366,234,489)	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(129,778,713)	12,859,421,905	8,866,323,847	18,765,683,841	
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19,870,936,279)	(19,535,210,694)	(46,945,446,102)	(41,853,863,404)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9,572,751,525)	(10,721,104,598)	(56,037,218,942)	(33,603,576,671)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(187,216,861,336)	(250,667,973,337)	(572,286,574,515)	(927,848,333,345)	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư							
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		307,482,554	(2,131,188,947)	181,909,459	(2,194,883,391)	
các tài sản dài hạn khác	22		-	515,797,408	-	515,797,408	
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3,285,529,666)	(38,764,415,000)	(27,058,433,333)	(81,984,128,000)	
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8,000,000,000	37,569,445,000	16,500,000,000	72,570,576,000	
4. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1,051,652,062)	(19,418,784,405)	(33,851,652,062)	(19,418,784,405)	
5. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		(57,454,837,165)	-	32,800,000,000		
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		38,736,562,332	11,457,327,288	57,449,516,454	18,512,912,829	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14,747,974,007)	(10,771,818,656)	46,021,340,518	(11,998,509,559)	

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỔ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã Thuyết số	QUÝ II		LŨY KẾ	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		31	-	-	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		32	-	-	-	(30,000,000)
3. Tiền thu từ đi vay		33	3,141,713,540,949	2,663,113,403,217	6,520,278,965,938	5,686,986,695,309
4. Tiền trả nợ gốc vay		34	(2,975,671,247,694)	(2,401,159,818,996)	(6,141,964,025,880)	(5,363,903,210,022)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		36	(109,584,350,000)	-	(109,584,350,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40	56,457,943,255	261,953,584,221	268,730,590,058	323,053,485,287
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		50	(145,506,892,088)	513,792,228	(257,534,643,939)	(616,793,357,617)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		60	4	833,061,496,625	1,406,664,056,957	1,450,368,646,470
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		70	4	833,575,288,853	1,149,129,413,018	833,575,288,853

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2025



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng

Đặng Kiên Phương
Tổng Giám Đốc

Trần Quế Tâm
Người lập biểu

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 781 (ngày 30 tháng 06 năm 2024: 797).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	
			Cuối kỳ	Đầu năm
(1) Công ty TNHH Nexta Capital	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Đang hoạt động	100	100
(2) Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology.	Mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện điện tử	Đang hoạt động	100	100
(3) Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L.	Mua bán hàng tiêu dùng	Đang hoạt động	99,15	99,15
(4) Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Bellvina.	Mua bán hàng tiêu dùng	Đang hoạt động	76.99	76.99
(5) Công ty TNHH Một thành viên Dpharma.	Phân phối dược phẩm	Đang hoạt động	100	100
(6) Công ty Cổ phần Achison	Tư vấn và mua bán giải pháp BHLĐ	Đang hoạt động	76.99	75
(7) Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý	Đang hoạt động	90.00	90.00
(8) Công ty TNHH B2X Care Solutions Việt Nam	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn, điện tử gia dụng	Đang hoạt động	90.00	90.00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Phần mềm kế toán	3 - 6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua, Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các Công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

3.18 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc đã định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Tổng Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Vào ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại Nghị quyết số 04/2025/NQHĐQT thông qua việc tách Công ty con và thành lập công ty được tách là Công ty TNHH Một Thành viên Digiworld Venture và Công ty TNHH Nexta Capital và được SKHĐT cấp GCNĐKDN vào ngày 06 tháng 02 năm 2025.

Bán sở hữu công ty con hiện hữu trở thành khoản đầu tư khác:

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 81% cổ phần của Digiworld Venture, cho một cá nhân với trị giá 90.000.000.000VNĐ. Theo đó, Digiworld Venture trở thành khoản đầu tư khác của Nhóm Công ty và Nhóm Công ty nắm giữ 19% quyền biểu quyết trong Digiworld Venture và đã ghi nhận việc thoái vốn của Digiworld Venture, chi tiết như sau:

Nợ tiền thu từ việc bán 81% Cổ phần	90,000,000,000
Tài sản thuần của Venture ứng với tỷ lệ 81%	97,258,665,670
Lỗ do thoái vốn Venture	7,258,665,670
<i>Trong đó:</i>	
Lợi thế thương mại	90,254,837,165
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	2,227,402,309

Mua thêm sở hữu trong công ty con hiện hữu

Ngày 19 tháng 06 năm 2025, Nhóm Công ty mua thêm 1.99% sở hữu vào Công ty Cổ phần Achison tăng phần sở hữu trong Công ty này từ 75% lên 76,99%.

Tổng giá phí mua thêm của các nghiệp vụ trên là 2.687.855.400 VND. Chênh lệch giữa tổng giá mua mua và giá trị ghi sổ của phần sở hữu tăng mua thêm trên đã được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Tiền mặt	758,034,529	1,086,301,185
Tiền gửi ngân hàng	288,759,307,917	171,608,300,292
Các khoản tương đương tiền	859,612,070,572	1,233,969,455,480
TỔNG CỘNG	1,149,129,413,018	1,406,664,056,957

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**5.1 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Công Ty Cổ Phần Thế Giới Di Động & chi nhánh	632,899,233,380	512,240,702,670
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT & CN	190,108,576,460	54,729,075,199
Công ty Cổ phần thương mại Dịch vụ Phong Vũ	95,120,814,055	66,817,044,632
Công ty CP Dịch vụ TM Tổng hợp Wincommerce	12,986,700,151	42,281,329,958
Các khoản phải thu khách hàng khác	1,699,507,478,906	1,707,151,071,788
TỔNG CỘNG	2,630,622,802,952	2,383,219,224,247
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3,138,601,208)	(12,367,360,067)
GIÁ TRỊ THUẦN	2,627,484,201,744	2,370,851,864,180

5.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
HP PPS Singapore (Sales) Pte Ltd	1,880,351,878	7,999,686,608
Công Ty TNHH Công Nghệ HUAWEI Việt Nam	37,146,184,762	45,605,023,322
Acer Incorporated	-	15,278,457,277
Khác	36,195,780,929	49,380,352,374
TỔNG CỘNG	75,222,317,569	118,263,519,581

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd.	-	32,874,099,492
Tạm ứng cho nhân viên	1,053,861,684	4,920,981,461
Đặt cọc, ký quỹ	13,298,582,299	23,192,112,052
Khác	51,277,337,633	68,192,662,085
TỔNG CỘNG	65,629,781,616	129,179,855,090
Dự phòng phải thu khác	-	(32,874,099,492)
GIÁ TRỊ THUẦN	65,629,781,616	96,305,755,598
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	32,598,695,277	60,990,510,218

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

7. HÀNG TỒN KHO

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
Hàng hóa	3,038,016,973,437	2,780,021,618,579
Hàng mua đang đi đường	625,045,420,034	793,840,490,784
Hàng gửi đi bán	14,760,868,548	9,155,627,707
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18,837,385,970	45,465,712,326
TỔNG CỘNG	3,696,660,647,989	3,628,483,449,396
Dự phòng HTK	(181,540,036,074)	(127,641,898,183)
GIÁ TRỊ THUẦN	3,515,120,611,915	3,500,841,551,213

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi phí hoạt động	13,997,154,165	18,826,004,809
Công cụ, dụng cụ	232,569,352	92,906,494
	14,229,723,517	18,918,911,303
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	6,419,488,922	9,324,970,500
Khác	19,919,351,310	21,181,005,793
	26,338,840,232	30,505,976,293

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÓ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

B09-DN/HN

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Số đầu kỳ	43,295,547,439	6,865,737,691	63,558,498,964	5,046,181,883	118,765,965,977
Mua sắm	-	-	-	181,909,459	181,909,459
Thanh lý	-	(52,575,989)	-	(165,300,000)	(217,875,989)
Thoái vốn Venture	-	(110,000,000)	(293,067,000)	-	(403,067,000)
Số cuối kỳ	43,295,547,439	6,703,161,702	63,265,431,964	5,062,791,342	118,326,932,447
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	(14,173,522,121)	(6,501,784,769)	(27,497,032,686)	(3,544,882,584)	(51,717,222,160)
Khấu hao trong năm	(886,747,438)	(47,212,567)	(4,405,017,265)	(287,354,940)	(5,626,332,210)
Thanh lý	-	52,575,989	-	165,300,000	217,875,989
Thoái vốn Venture	-	44,347,812	69,503,321	-	113,851,133
Số cuối kỳ	(15,060,269,559)	(6,452,073,535)	(31,832,546,630)	(3,666,937,524)	(57,011,827,248)
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	29,122,025,318	363,952,922	36,061,466,278	1,501,299,299	67,048,743,817
Số cuối kỳ	28,235,277,880	251,088,167	31,432,885,334	1,395,853,818	61,315,105,199

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	64,785,359,504	58,925,624,022	123,710,983,526
Thoái vốn Venture	(33,050,874,256)	-	(33,050,874,256)
Số cuối kỳ	31,734,485,248	58,925,624,022	90,660,109,270
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	(18,753,006,662)	-	(18,753,006,662)
Khấu hao trong kỳ	(2,665,823,666)	-	(2,665,823,666)
Thoái vốn Venture	5,806,993,527	-	5,806,993,527
Số cuối kỳ	(15,611,836,801)	-	(15,611,836,801)
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	46,032,352,842	58,925,624,022	104,957,976,864
Số cuối kỳ	16,122,648,447	58,925,624,022	75,048,272,469

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		<i>Số cuối kỳ</i>		<i>Số đầu kỳ</i>	
		<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Giá trị đầu tư VND</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Giá trị đầu tư VND</i>
Đầu tư vào công ty liên kết					
Công ty cổ phần Dược phẩm Đại Tín		36%	12,802,725,740	36%	11,510,594,509
			12,802,725,740		11,510,594,509
Đầu tư khác					
			Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025		
			Giá trị đầu tư VND	Dư phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH Digiworld Venture	19%		40,233,974,607	(17,420,213,524)	22,813,761,083
CỘNG			40,233,974,607	(17,420,213,524)	22,813,761,083

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
	<i>Lợi thế thương mại từ mua lại các công ty con</i>
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	416,424,198,380
Giảm trong năm	(90,254,837,165)
Số cuối kỳ	<u>326,169,361,215</u>
Phân bổ lũy kế	
Số đầu kỳ	(74,232,008,676)
Phân bổ trong năm	(18,166,655,885)
Số cuối kỳ	<u>(92,398,664,561)</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	<u>342,192,189,704</u>
Số cuối kỳ	<u>233,770,696,654</u>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**13.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND
Lenovo (Singapores) Pte. Ltd.	89,274,293,063	20,690,802,574
Asus Global Pte. Ltd.	431,262,043,295	265,516,588,699
Xiaomi H.K Limited	181,539,744,731	800,527,864,819
Công ty TNHH Apple Việt Nam	417,827,144,228	734,220,109,000
Nhà cung cấp khác	<u>782,585,623,724</u>	<u>481,970,408,043</u>
TỔNG CỘNG	<u>1,902,488,849,041</u>	<u>2,302,925,773,135</u>

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND
XIAOMI H.K LIMITED	85,161,938,439	86,067,701,194
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KIM SƠN HÀ	18,121,800,000	-
AMD INTERNATIONAL SALES & SERVICE, LTD.	11,382,198,505	11,799,703,892
WHIRLPOOL SOUTHEAST ASIA PTE	1,304,671,538	1,304,671,538
Khác	<u>21,910,572,473</u>	<u>60,298,543,603</u>
TỔNG CỘNG	<u>137,881,180,955</u>	<u>159,470,620,227</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

VND

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chiết khấu thương mại	131,874,821,845	146,441,609,122
Chi phí hoạt động và hỗ trợ bán hàng	94,456,958,555	154,228,705,617
Chi phí lãi vay	3,925,349,864	1,982,200,427
Khác	2,349,597,001	22,650,113,093
TỔNG CỘNG	232,606,727,265	325,302,628,259

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31,076,938,677	49,974,040,987
Thuế thu nhập cá nhân	2,378,524,305	1,255,776,800
Thuế GTGT phải nộp	421,898,651	808,072,666
Các loại thuế khác	126,745,531	310,491,087
TỔNG CỘNG	34,004,107,164	52,348,381,540

16. PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	11,424,959,416	19,942,330,119
Phải trả BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	3,245,333,442	3,337,701,276
Nhận ký quỹ, ký cược	4,051,451,653	93,125,846,108
Phải trả khác	3,522,054,820	3,229,620,997
TỔNG CỘNG	22,243,799,331	119,635,498,500
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	2,533,629,427	2,533,629,427
TỔNG CỘNG	2,533,629,427	2,533,629,427

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

B09-DN/HN

17. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Số cuối kỳ
Vay ngân hàng	2,486,579,118,759	6,520,278,965,938	(6,141,964,025,880)	2,864,894,058,817
Vay khác	-	-	-	-
	2,486,579,118,759	6,520,278,965,938	(6,141,964,025,880)	2,864,894,058,817

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng được trình bày như sau:

Tên Tổ chức tín dụng	Số cuối kỳ VND	Ngày đến hạn thanh toán	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
1 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	521,102,232,398	Ngày 17/08/2025 đến 22/09/2025	Từ 4.2% đến 4.4%	Không có tài sản đảm bảo
2 Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	309,622,977,507	Ngày 07/07/2025 đến 29/09/2025	Từ 4.5% đến 4.75%	Không có tài sản đảm bảo
3 Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam	260,614,909,885	Ngày 15/09/2025 đến 21/09/2025	4.50%	Không có tài sản đảm bảo
4 Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	348,245,463,639	Ngày 14/07/2025 đến 30/09/2025	4.20%	Không có tài sản đảm bảo
5 Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn.	133,207,516,045	Ngày 11/09/2025	4.40%	Không có tài sản đảm bảo
6 Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - CN TP.HCM	568,041,201,607	Ngày 06/07/2025 đến 27/07/2025	4.45%	Không có tài sản đảm bảo
7 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	639,338,275,412	Ngày 24/08/2025 đến 29/09/2025	4.30%	Không có tài sản đảm bảo
8 Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	70,124,086,246	Ngày 03/09/2025	4.50%	Không có tài sản đảm bảo
9 Ngân hàng Đại chúng TNHH KASIKORNBANK	12,597,396,078	Ngày 25/04/2025 đến 03/09/2025	4.50%	Không có tài sản đảm bảo
10 Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	2,000,000,000	Ngày 30/05/2025 đến 27/08/2025	4.30%	Không có tài sản đảm bảo
TỔNG CỘNG	2,864,894,058,817			

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

B09-DN/HN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	VND
Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1,672,244,430,000	61,233,761,416	(6,439,937,166)	400,000,000	867,192,867,929	32,471,328,991	2,627,102,451,170
Phát hành cổ phiếu ESOP	-	-	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ (*)	-	-	(30,000,000)	-	-	-	(30,000,000)
Giảm vốn do mua lại cổ phiếu quỹ (**)	(197,000,000)		197,000,000				
Điều chỉnh lợi nhuận kỳ trước					(249,012,219)	(3,002,661)	(252,014,880)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	181,771,424,589	(123,861,448)	181,647,563,141
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024	1,672,047,430,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	1,048,715,280,299	32,344,464,882	2,808,467,999,431
Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	2,193,201,690,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	730,349,063,488	33,066,026,670	3,011,977,604,408
Điều chỉnh kỳ trước					(4,884,641,347)	4,905,806,227	21,164,880
Cổ tức công bố (*)					(109,584,350,000)		(109,584,350,000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	221,673,904,652	3,323,314,246	224,997,218,898
Thay đổi lợi sở hữu	-	-	-	-	210,517,517	(5,155,736,878)	(4,945,219,361)
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025	2,193,201,690,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	837,764,494,310	36,139,410,265	3,122,466,418,825

(*) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/2025/NQ-DHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2025 ("Nghị quyết 02"), Hội đồng Quản Trị đã thông qua Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 05 năm 2025 công bố chi trả cổ tức bằng tiền (mỗi cổ đông đang nắm giữ 1 cổ phiếu được nhận 500VNĐ) với tỷ lệ 5%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**18.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	219,320,169	219,320,169
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	219,320,169	219,320,169
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>219,320,169</i>	<i>219,320,169</i>
Cổ phiếu quỹ	(151,469)	(151,469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>(151,469)</i>	<i>(151,469)</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	219,168,700	219,168,700
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>219,168,700</i>	<i>219,168,700</i>

19. DOANH THU**19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Tổng doanh thu:	11,446,811,281,915	10,042,762,150,675
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11,446,811,281,915	10,042,762,150,675
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại và chiết khấu thương mại	(196,051,561,494)	(49,749,451,749)
DOANH THU THUẦN	11,250,759,720,421	9,993,012,698,926

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	1,435,032,878	1,102,939,313
Lãi chênh lệch tỷ giá	27,742,786,680	21,787,384,052
Chiết khấu thanh toán được hưởng	30,788,785,055	21,731,099,438
Lãi trái phiếu	26,303,175,320	17,272,115,856
Khác	29,711,308,256	137,857,660
TỔNG CỘNG	115,981,088,189	62,031,396,319

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa bán và dịch vụ cung cấp	10,282,706,087,491	9,147,183,418,575
TỔNG CỘNG	10,282,706,087,491	9,147,183,418,575

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí lãi vay	48,888,595,539	38,649,356,951
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12,954,244,072	13,730,559,489
CP đầu tư trái phiếu,..	539,038,898	507,031,577
Chi phí đầu tư Tài chính	2,875,034,635	-
Khác	18,918,751,391	17,211,634,370
TỔNG CỘNG	84,175,664,535	70,098,582,387

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí bán hàng	613,444,656,943	500,407,591,777
Chi phí nhân viên	42,729,509,806	47,062,043,242
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,820,224,456	4,339,914,607
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67,385,196,983	64,926,682,115
Chi phí quảng cáo, KM, hỗ trợ bán hàng	494,546,447,998	375,092,093,936
Chi phí bằng tiền khác	3,963,277,700	8,986,857,877
Chi phí quản lý doanh nghiệp	111,193,873,588	112,745,852,348
Chi phí nhân viên	47,642,805,875	52,655,070,399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15,499,866,656	8,381,641,552
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31,789,437,491	34,272,328,639
Chi phí bằng tiền khác	16,261,763,566	17,436,811,758
TỔNG CỘNG	724,638,530,531	613,153,444,125

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thu nhập khác	12,755,454,805	11,256,559,622
Thu nhập khác	12,755,454,805	11,256,559,622
Chi phí khác	4,842,111,420	6,939,372,614
Các khoản chi phí khác	4,842,111,420	6,939,372,614
LỢI NHUẬN THUẦN	7,913,343,385	4,317,187,008

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí mua hàng	10,282,706,087,491	9,147,183,418,575
Chi phí nhân công	90,372,315,681	99,717,113,641
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20,320,091,112	12,721,556,159
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99,174,634,474	99,199,010,754
Chi phí bằng tiền khác	514,771,489,264	401,515,763,571
	11,007,344,618,022	9,760,336,862,700

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	284,426,000,669	231,943,116,063
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	56,885,200,134	46,388,623,213
Các khoản điều chỉnh:		
Khác	(22,906,083,997)	(34,009,414,360)
Lỗi/lãi tính thuế từ công ty con,	3,797,153,879	2,206,645,518
Lỗi/lãi tính thuế từ công ty liên kết	258,426,246	4,415,503
Phân bổ lợi thế thương mại	(3,102,420,371)	(3,864,015,484)
Chi phí không được khấu trừ thuế	2,207,840,741	756,624,911
Chi phí thuế TNDN	37,140,116,632	11,482,879,301

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và ủy Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	
Ông Đoàn Hồng Việt	92,937,000	89,814,000
Bà Đặng Kiện Phương	94,623,000	91,440,000
Bà Tô Hồng Trang	89,055,000	86,058,000
Ông Nguyễn Duy Tùng	60,000,000	60,000,000
Ông Trần Bảo Minh	60,000,000	60,000,000
TỔNG CỘNG	396,615,000	387,312,000

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	221,673,904,652	181,771,424,589
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	219,168,700	217,160,921
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	1,011	837

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	
Dưới 1 năm	63,536,203,747	73,652,736,856
Từ 1 đến 5 năm	114,939,247,837	144,749,834,969
Trên 5 năm	1,636,076,846.25	3,599,369,062
TỔNG CỘNG	180,111,528,430	222,001,940,886

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Vi
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Trần Quế Tâm
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đặng Kiện Phương
Tổng Giám Đốc



